



CÔNG TY CP ĐƯỜNG NINH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÍ II NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
NINH HÒA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2013	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ quý II năm 2013	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ quý II năm 2013	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ quý II năm 2013	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2013

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		662.584.064.614	289.811.859.358
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	93.752.549.025	38.282.191.247
1. Tiền	111		13.752.549.025	8.282.191.247
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	30.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		185.732.736.187	185.834.693.868
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	25.300.338.330	3.684.056.057
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	152.452.408.075	179.444.953.576
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	8.306.188.111	3.031.882.564
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(326.198.329)	(326.198.329)
IV. Hàng tồn kho	140		378.002.246.243	63.415.593.359
1. Hàng tồn kho	141	V.5	378.002.246.243	63.415.593.359
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.096.533.159	2.279.380.884
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	666.336.776	154.715.025
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.160.479.510
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	4.430.196.383	964.186.349

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		520.551.017.920	576.595.441.768
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		258.776.973.928	317.720.745.331
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	243.611.330.564	248.120.693.294
<i>Nguyên giá</i>	222		362.377.125.243	336.553.604.844
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(118.765.794.679)	(88.432.911.550)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.173.354.317	15.098.322.159
<i>Nguyên giá</i>	228		11.217.254.373	15.875.078.023
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.043.900.056)	(776.755.864)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4.992.289.047	54.501.729.878
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		260.370.475.525	257.620.388.395
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	14.732.250.000	14.732.250.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	153.038.858.905	151.488.858.905
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	104.317.994.798	104.317.994.798
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(11.718.628.178)	(12.918.715.308)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.403.568.467	1.254.308.042
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.335.068.467	1.185.808.042
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		68.500.000	68.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.183.135.082.534	866.407.301.126

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		625.761.718.851	361.119.221.901
I. Nợ ngắn hạn	310		625.761.718.851	269.065.535.465
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	382.050.332.490	176.756.587.087
2. Phải trả người bán	312	V.16	112.531.581.646	28.426.238.603
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	21.289.835.926	27.429.479.800
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	26.923.788.880	3.481.242.790
5. Phải trả người lao động	315		18.675.130.743	5.677.452.197
6. Chi phí phải trả	316	V.19	41.426.520.157	2.661.085.288
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	16.516.720.996	12.803.447.016
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	6.347.808.013	11.830.002.684
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	92.053.686.436
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	-	92.053.686.436
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		557.373.363.683	505.288.079.225
I. Vốn chủ sở hữu	410		557.373.363.683	505.288.079.225
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	303.750.000.000	303.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	12.334.430.000	12.334.430.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	106.796.342.738	101.382.082.596
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	14.387.252.506	11.680.122.435
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	120.105.338.439	76.141.444.194
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.183.135.082.534	866.407.301.126

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		12.567.000	41.904.762
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.107,94	90.484,53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ninh Hòa, ngày 28 tháng 07 năm 2013

Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểuVõ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởngTrần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 02a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Quý II năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	368.304.957.191	284.158.764.339	652.651.714.128	446.217.082.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		74.271.355	-	74.271.355	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	368.230.685.836	284.158.764.339	652.577.442.773	446.217.082.712
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	318.572.137.619	238.059.259.543	568.111.050.277	375.064.356.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.658.548.217	46.099.504.796	84.466.392.496	71.152.726.074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.451.606.500	30.907.958.494	11.742.538.751	36.220.313.708
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.019.516.968	11.719.198.428	12.719.989.547	25.074.700.449
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.815.521.238	12.932.663.084	13.879.043.432	24.659.310.339
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.205.804.483	1.924.974.003	11.212.238.989	2.902.007.524
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.261.991.947	6.695.242.679	13.047.886.131	11.021.210.643
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.622.841.319	56.668.048.180	59.228.816.580	68.375.121.166
11. Thu nhập khác	31	VI.7	41.516.843.165	1.203.622.581	43.215.087.193	2.768.832.521
12. Chi phí khác	32	VI.8	32.609.813.051	524.162.886	33.584.058.234	919.965.819
13. Lợi nhuận khác	40		8.907.030.114	679.459.695	9.631.028.959	1.848.866.702
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.529.871.433	57.347.507.875	68.859.845.539	70.223.987.868
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	7.319.043.909	8.196.424.906	14.717.244.118	12.258.644.090

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)**Mẫu số B 02a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.210.827.524	49.151.082.969	54.142.601.421	57.965.343.778
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	1.060	4.854	1.782	6.239

Ninh Hòa, ngày 28 tháng 07 năm 2013

Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởngNgô Thị Thu Trang
Người lập biểuTrần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		68.859.845.539	70.223.987.868
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8;9	34.462.688.662	30.284.907.944
- Các khoản dự phòng	03		(1.200.087.130)	(9.428.814.263)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(562.511.922)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.227.197.529)	(27.179.233.053)
- Chi phí lãi vay	06		13.879.043.432	24.659.310.339
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		99.211.781.052	88.560.158.835
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.303.371.744	(244.300.767.316)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(314.586.652.884)	(134.789.114.506)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		147.905.953.703	145.522.518.910
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(238.014.285)	(298.861.809)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(15.279.880.711)	(23.940.189.367)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(3.324.181.602)	(5.388.910.492)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.425.286.025	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.568.834.049)	(4.746.072.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(91.151.171.007)	(179.381.238.396)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.539.511.634)	(6.493.690.532)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	37.239.167.045	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(220.418.506.585)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	148.662.804.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.681.786.728	6.631.508.301
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33.381.442.139	(71.617.884.416)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	20.233.900.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15;22	501.633.985.180	575.350.863.553
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15;22	(388.393.926.213)	(328.561.114.030)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(16.274.208.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		113.240.058.967	250.749.441.523
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		55.470.330.099	(249.681.289)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.282.191.247	2.636.591.673
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.679	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	93.752.549.025	2.386.910.384

Ninh Hòa, ngày 28 tháng 07 năm 2013



Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu



Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ;
 - Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
 - Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
 - Gia công chế tạo cơ khí;
 - Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
 - Vận tải hàng hóa đường bộ;
 - Sản xuất phân bón;
 - Kinh doanh dịch vụ kho bãi ;
 - Sản xuất và kinh doanh bán điện;
 - Kinh doanh bất động sản;

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian 36 tháng.

Các chi phí khác

Lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của diện tích đất 1.500 m² làm nhà chứa bã mía với thời gian phân bổ 25 năm.

11. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thức năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	14.459.493	154.410.604
Tiền gửi ngân hàng	13.738.089.532	8.127.780.643
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (Ngân hàng TMCP Á Châu)	80.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	93.752.549.025	38.282.191.247

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa	9.886.273.514	-
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Quốc Tế	6.712.144.108	-
Công ty TNHH Taisho Việt Nam	2.121.750.000	539.000.000
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Á Châu	1.553.973.750	308.007.000
Công ty CP Bibica - Nhà máy Bibica Biên Hòa	1.445.010.001	-
Công ty TNHH MTV Thực Phẩm Á Châu Đà Nẵng	450.009.000	235.494.000
Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang	284.817.014	284.817.014
Các khách hàng khác	2.846.360.943	2.316.738.043
Cộng	25.300.338.330	3.684.056.057

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2008-2010	107.519.953	133.927.073
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2010-2011	25.197.557	199.920.707
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2011-2012	394.589.331	1.912.747.336
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2012-2013	1.703.767.882	175.678.657.057
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2013-2014	112.209.450.402	-
Triveni Turbine Limited	17.347.230.000	-
Công ty Cổ Phần Điện Lực Khánh Hòa	9.012.397.350	-
Công ty Cổ Phần Điện Gia Lai	2.503.000.000	-
Công ty Cổ Phần Bourbon Tây Ninh	1.214.000.000	104.000.000
Các nhà cung cấp khác	7.935.255.600	1.415.701.403
Cộng	152.452.408.075	179.444.953.576

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Điện Gia Lai	7.229.508.197	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	777.397.332	-
Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang	-	1.550.000.000
Các đối tượng khác	299.282.582	1.481.882.564
Cộng	8.306.188.111	3.031.882.564

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	101.151.816.360	517.300.000
Nguyên liệu, vật liệu	8.971.926.715	14.709.529.201
Công cụ, dụng cụ	54.748.096	38.643.994
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.895.684.975	4.881.556.031
Thành phẩm	264.886.024.979	42.695.273.918
Hàng hóa	1.042.045.118	573.290.215
Cộng	378.002.246.243	63.415.593.359

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Kỳ này
Số dư đầu năm	154.715.025
Phát sinh tăng trong kỳ	789.738.973
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(278.117.222)
Cộng	666.336.776

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	2.934.498.793	295.925.149
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.495.697.590	668.261.200
Cộng	4.430.196.383	964.186.349

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	65.348.542.911	258.075.206.116	11.907.924.942	1.221.930.875	336.553.604.844
Tăng trong kỳ	2.644.786.231	54.813.167.808	-	179.119.544	57.637.073.583
Mua sắm mới	-	1.446.120.546	-	-	1.446.120.546
Đầu tư mới	2.644.786.231	53.367.047.262	-	179.119.544	56.190.953.037
Giảm trong kỳ	(30.977.899.586)	(613.264.238)	-	(222.389.360)	(31.813.553.184)
Thanh lý trong kỳ	(30.521.015.800)	-	-	-	(30.521.015.800)
<i>Điều chỉnh sang chi phí trả trước</i>	<i>(456.883.786)</i>	<i>(613.264.238)</i>	<i>-</i>	<i>(222.389.360)</i>	<i>(1.292.537.384)</i>
Số cuối kỳ	37.015.429.556	312.275.109.686	11.907.924.942	1.178.661.059	362.377.125.243

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	9.571.223.689	-	335.018.090	9.906.241.779
---	---	---------------	---	-------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	14.209.861.305	71.777.979.180	1.973.786.451	471.284.614	88.432.911.550
Khấu hao trong kỳ	3.234.649.310	30.219.621.081	609.352.398	131.921.681	34.195.544.470
Giảm trong kỳ	(3.368.584.410)	(410.487.149)	-	(83.589.782)	(3.862.661.341)
Thanh lý	(3.255.575.009)	-	-	-	(3.255.575.009)
<i>Điều chỉnh sang chi phí trả trước</i>	<i>(113.009.401)</i>	<i>(410.487.149)</i>	<i>-</i>	<i>(83.589.782)</i>	<i>(607.086.332)</i>
Số cuối kỳ	14.075.926.205	101.587.113.112	2.583.138.849	519.616.513	118.765.794.679

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	51.138.681.606	186.297.226.936	9.934.138.491	750.646.261	248.120.693.294
Số cuối kỳ	<u>22.939.503.351</u>	<u>210.687.996.574</u>	<u>9.324.786.093</u>	<u>659.044.546</u>	<u>243.611.330.564</u>

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử Dụng đất	Phần mềm máy tính	Bảng quyền, bằng sáng chế	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	15.335.998.089	502.700.000	36.379.934	15.875.078.023
Thanh lý trong kỳ	(4.657.823.650)	-	-	(4.657.823.650)
Số cuối kỳ	<u>10.678.174.439</u>	<u>502.700.000</u>	<u>36.379.934</u>	<u>11.217.254.373</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	622.914.209	150.809.995	3.031.660	776.755.864
Khấu hao trong kỳ	212.326.704	50.269.998	4.547.490	267.144.192
Số cuối kỳ	<u>835.240.913</u>	<u>201.079.993</u>	<u>7.579.150</u>	<u>1.043.900.056</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	14.713.083.880	351.890.005	33.348.274	15.098.322.159
Số cuối kỳ	<u>9.842.933.526</u>	<u>301.620.007</u>	<u>28.800.784</u>	<u>10.173.354.317</u>

Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xã Krong Jing-Huyện MaĐrăc-Tỉnh Đắk Lắk (340 m²).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 93, 94, 95, 96 thôn Buôn Lác- Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 01 thôn Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa (43.700 m²).

10. Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung là 690.750 cổ phiếu, với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 14.732.250.000 VND, chiếm 59,04% vốn điều lệ.

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	4.000.000	88.918.628.178	4.000.000	88.918.628.178
Công ty CP Mía Đường 333	3.508.981	42.606.399.724	3.508.981	42.606.399.724
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	1.413.210	21.513.831.003	1.313.210	19.963.831.003
Cộng		<u>153.038.858.905</u>		<u>151.488.858.905</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Điện Gia Lai (GEC)	7.000.000	84.000.000.000	7.000.000	84.000.000.000
Công ty CP Giao dịch hàng hóa SGTT	1.500.000	19.500.000.000	1.500.000	19.500.000.000
Công ty CP Đường Biên Hòa (BHS)	58.324	817.994.798	58.324	817.994.798
Cộng		104.317.994.798		104.317.994.798

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty Cổ Phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	12.918.715.308
Trích lập dự phòng trong kỳ	9.200.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán trong kỳ	(10.400.087.130)
Số cuối kỳ	11.718.628.178

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ này
Số dư đầu năm	1.185.808.042
Phát sinh tăng trong kỳ	404.608.931
K/c vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(255.348.506)
Số dư cuối kỳ	1.335.068.467

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	382.050.332.490	146.845.422.227
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>	<i>91.500.000.000</i>	<i>79.696.370.994</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa</i>	<i>85.295.583.968</i>	-
<i>Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM</i>	<i>52.000.000.000</i>	<i>55.671.353.560</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang</i>	<i>48.295.263.187</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa</i>	<i>45.046.730.173</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang</i>	<i>39.912.755.162</i>	<i>11.477.697.673</i>
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Khánh Hòa</i>	<i>20.000.000.000</i>	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	29.911.164.860
<i>Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín</i>	<i>-</i>	<i>29.911.164.860</i>
Cộng	382.050.332.490	176.756.587.087

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay ngắn hạn	146.845.422.227	501.633.985.180	(266.429.074.917)	382.050.332.490
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	79.696.370.994	99.500.000.000	(87.696.370.994)	91.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN Khánh Hòa	-	85.295.583.968	-	85.295.583.968
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	55.671.353.560	100.346.636.937	(104.017.990.497)	52.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang	-	48.295.263.187	-	48.295.263.187
Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Khánh Hòa	11.477.697.673	66.783.745.926	(33.214.713.426)	45.046.730.173
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương -CN Nha Trang	-	49.412.755.162	(9.500.000.000)	39.912.755.162
Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam-CN Khánh Hòa	-	40.000.000.000	(20.000.000.000)	20.000.000.000
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	-	12.000.000.000	(12.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	29.911.164.860	-	(29.911.164.860)	-
Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín	29.911.164.860	-	(29.911.164.860)	-
Cộng	176.756.587.087	501.633.985.180	(296.340.239.777)	382.050.332.490

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Hekou Mingcheng Technology & Tradeco., LTD	66.105.966.640	2.217.541.850
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công	36.867.401.810	329.886.865
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Hiệp Thành	1.226.618.000	5.380.918.000
Tiền mía, tiền vận chuyển mía	512.428.792	10.949.400.759
Behn Meyer Specialty Chemicals SDN.BHD	-	1.593.685.375
Công ty TNHH MTV THG Việt Nam	-	921.300.000
Các nhà cung cấp khác	7.819.166.404	7.033.505.754
Cộng	112.531.581.646	28.426.238.603

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	16.470.991.250	26.728.932.000
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công	2.635.200.000	-
Công ty TNHH Thực Phẩm Công Nghệ Minh Tâm	1.094.750.000	-
Các khách hàng khác	1.088.894.676	700.547.800
Cộng	21.289.835.926	27.429.479.800

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	26.025.003.398	(13.404.034.208)	12.620.969.190
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	203.410.384	(203.410.384)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	64.691.476	24.368.760	(89.060.236)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.783.010.002	14.717.244.118	(3.324.181.602)	14.176.072.518
Thuế thu nhập cá nhân	633.496.912	1.544.281.021	(2.051.971.001)	125.806.932
Thuế tài nguyên	44.400	4.810.600	(3.914.760)	940.240
Thuế nhà đất	-	41.230.500	(41.230.500)	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế Môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	3.481.242.790	42.564.348.781	(19.121.802.691)	26.923.788.880

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất 5%: Đối với sản phẩm đường, phân bón, mật ri, bùn tro, bã mía, thuốc trừ cỏ.

Thuế suất 10%: Đối với hoạt động gia công cơ khí, điện thương phẩm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.529.871.433	57.347.507.875
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.114.023.392)	(3.546.989.812)
- Các khoản điều chỉnh tăng	33.442.137.850	407.761.188
- Các khoản điều chỉnh giảm	(44.556.161.242)	(3.954.751.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	28.415.848.041	53.800.518.063
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	7.103.962.010	13.450.129.516
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh bất động sản (*)	215.081.899	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(5.253.704.610)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.319.043.909	8.196.424.906

(*) Trong kỳ có phát sinh hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng ngày 15/4/2013: Chuyển nhượng tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 54A Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa: doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

là 37.239.167.045 đồng, chi phí liên quan là 31.923.264.441 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là: 215.081.899 đồng.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí bổ sung giá mía cuối vụ, chi phí khuyến mại, hoàn thành hợp đồng	18.489.873.679	-
Chi phí sửa chữa lớn máy móc thiết bị	12.591.269.227	-
Chi phí khuyến nông	8.591.871.850	-
Chi phí lãi lãi vay, lãi ứng vốn tiền mua đường	213.333.334	2.337.836.704
Trích trước chi phí khác	1.540.172.067	323.248.584
Cộng	41.426.520.157	2.661.085.288

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	301.928.297	269.801.813
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	174.925.171	123.046.625
Sở Tài Chính Khánh Hòa - Ứng vốn	-	8.000.000.000
Phải trả tiền cổ tức đợt 2 năm 2011	2.091.122.000	2.091.122.000
Phải trả tiền đặt cọc- mua bã mía, cấp cầu mía	-	1.189.600.000
Phải trả tiền hỗ trợ lãi suất đầu tư	12.277.142.290	-
Các khoản phải trả khác	1.671.603.238	1.129.876.578
Cộng	16.516.720.996	12.803.447.016

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	7.926.328.116	3.375.033.432	528.641.136	11.830.002.684
Trích trong kỳ	3.789.982.099	1.624.278.043	-	5.414.260.142
Thu khác	-	28.400.000	-	28.400.000
Chi quỹ trong kỳ	(5.613.587.135)	(1.153.144.498)	(801.180.001)	(7.567.911.634)
Giảm do điều chỉnh	(2.540.455.112)	(1.088.766.477)	272.278.410	(3.356.943.179)
Cộng	3.562.267.968	2.785.800.500	(260.455)	6.347.808.013

22. Vay và nợ dài hạn

	Kỳ này
Số đầu năm	92.053.686.436
Số tiền đã trả trong kỳ	(92.053.686.436)
Số cuối kỳ	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quy II của năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	81.000.000.000	12.514.630.000	94.141.270.299	8.100.000.000	76.466.815.154	272.222.715.453
Tăng vốn trong kỳ trước	20.250.000.000	-	-	-	-	20.250.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	61.211.055.363	61.211.055.363
Chia cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	(20.250.000.000)	(20.250.000.000)
Điều chỉnh	-	(16.100.000)	(3.646.852.472)	-	3.647.469.964	(15.482.508)
Số dư tại ngày 30/6/2012	101.250.000.000	12.498.530.000	90.494.417.827	8.100.000.000	121.075.340.481	333.418.288.308
Số dư tại ngày 01/01/2013	303.750.000.000	12.334.430.000	101.382.082.596	11.680.122.435	76.141.444.194	505.288.079.225
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	54.142.601.421	54.142.601.421
Trích quỹ trong kỳ	-	-	5.414.260.142	2.707.130.071	(13.535.650.355)	(5.414.260.142)
Điều chỉnh	-	-	-	-	3.356.943.179	3.356.943.179
Số dư tại ngày 30/6/2013	303.750.000.000	12.334.430.000	106.796.342.738	14.387.252.506	120.105.338.439	557.373.363.683

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng doanh thu	368.304.957.191	284.158.764.339
- Doanh thu đường RS	269.136.002.370	202.120.081.580
- Doanh thu mật ri	17.539.773.830	16.841.426.740
- Doanh thu bán bún, tro	7.087.597.902	3.321.683.582
- Doanh thu điện thương phẩm	913.188.949	1.793.918.039
- Doanh thu khác	73.628.394.140	60.081.654.398
Các khoản giảm trừ doanh thu	(74.271.355)	-
- Giảm giá hàng bán	(74.271.355)	-
Doanh thu thuần	368.230.685.836	284.158.764.339

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Giá vốn đường RS	220.892.370.152	159.335.580.426
Giá vốn mật ri	21.011.835.885	16.841.426.740
Giá vốn bán bún, tro	5.286.137.364	2.227.586.259
Giá vốn điện thương phẩm	913.188.949	1.793.918.039
Giá vốn khác	70.468.605.269	57.860.748.079
Cộng	318.572.137.619	238.059.259.543

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lãi mua bán chứng khoán	-	23.886.464.433
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.316.994.197	3.954.751.000
Lãi đầu tư nông dân trồng mía	1.974.318.257	1.786.854.364
Lãi tiền gửi ngân hàng	562.291.488	100.616.442
Chênh lệch tỷ giá	598.002.558	141.070.655
Doanh thu tài chính khác	-	1.038.201.600
Cộng	10.451.606.500	30.907.958.494

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lãi mua bán chứng khoán	-	8.900.010.000
Chi phí lãi vay	6.815.521.238	12.932.663.084
Chênh lệch tỷ giá	3.995.730	26.738.773
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	9.200.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(10.750.005.100)
Chi phí tài chính khác	-	609.791.671
Cộng	16.019.516.968	11.719.198.428

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nhân viên	405.807.736	125.747.673
Chi phí vận chuyển	4.579.598.729	1.715.975.930
Chi phí bán hàng khác	1.220.398.018	83.250.400
Cộng	6.205.804.483	1.924.974.003

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.743.879.960	4.280.972.159
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	408.710.963	163.105.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	499.428.328	306.666.472
Chi phí khác	2.609.972.696	1.944.498.787
Cộng	7.261.991.947	6.695.242.679

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản	37.239.167.045	-
Phạt vi phạm hợp đồng	2.966.398.762	-
Thu nhập khác	1.311.277.358	1.203.622.581
Cộng	41.516.843.165	1.203.622.581

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí thanh lý tài sản	31.923.264.441	-
Chi phí khác	686.548.610	524.162.886
Cộng	32.609.813.051	524.162.886

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.210.827.524	49.151.082.969
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.210.827.524	49.151.082.969
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.375.000	10.125.893
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.060	4.854

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

1. *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong Công ty.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao trong kỳ là 269.100.000 VND, cùng kỳ năm trước là 623.500.000 VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền lương, thưởng theo quy chế của Công ty. Thu nhập trong kỳ này là 1.489.644.687 VND, cùng kỳ năm trước là 1.084.500.000 VND

2. *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần Bò Giồng Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ Phần Mía Đường 333	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn sở hữu 19,43% vốn điều lệ
Công ty Cổ Phần Điện Gia Lai	Cổ đông sở hữu 11,31% vốn điều lệ
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty Cổ Phần Bourbon Tây Ninh	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa	Công ty thành viên của cổ đông lớn

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công</i>		
- Nhận tiền ứng trước và thu tiền bán đường, mật ri	124.691.583.334	208.470.000.000
- Bán hàng hóa (đường, mật ri)	109.673.643.250	116.432.124.000
- Vay ngắn hạn	12.000.000.000	-
- Thanh toán tiền vay ngắn hạn	12.000.000.000	-
- Lãi ứng vốn tiền mua đường, mật ri	213.333.334	423.111.111
- Lãi phạt quá hạn thanh toán	777.397.332	-
- Bù trừ công nợ	1.993.070.607	-
<i>Công ty Cổ Phần SX TM Bao Bì Thành Thành Công</i>		
- Bán hàng hóa (đường, mật ri)	6.000.050.000	70.180.000.000
- Thu tiền bán hàng hóa (đường)	7.217.909.000	70.180.000.000
- Mua bao bì, phân thuốc	57.675.575.590	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
- Thanh toán tiền mua bao bì, phân thuốc	22.636.013.640	-
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa		
- Nhận tiền ứng trước mua đường	40.194.364.959	-
- Bán hàng hóa (đường)	54.755.349.800	-
- Thanh toán tiền ứng trước	40.194.364.959	-
- Lãi ứng vốn tiền mua đường	285.237.074	-
Công ty Cổ Phần Điện Gia Lai		
- Ứng trước tiền dịch vụ tư vấn theo Hợp đồng số 10/2012/HĐDV/GEC-NHS ngày 6/2/2013 và Hợp đồng số 01/2013/HĐDV/NHS-GEC ngày 06/1/2013	2.503.000.000	-
- Phải thu cổ tức năm 2012	7.229.508.197	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 số dư công nợ của các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa (xem thuyết minh V.2)	9.886.273.514	-
Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Gia Lai (xem thuyết minh V.3; V.4)	9.732.508.197	-
Công ty Cổ Phần Bourbon Tây Ninh (xem thuyết minh V.3)	1.214.000.000	104.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công (xem thuyết minh V.4)	777.397.332	-
Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang (xem thuyết minh V.2)	284.817.014	284.817.014
Cộng các khoản phải thu	21.894.996.057	388.817.014
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần SX TM Bao Bì Thành Thành Công (xem thuyết minh V.16)	36.867.401.810	329.886.865
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công (xem thuyết minh V.17)	16.470.991.250	26.728.932.000
Cộng các khoản phải trả	69.809.384.310	27.058.818.865

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin khác

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý II năm 2013 so với Quý II năm 2012

	Quý II/2013	Quý II/2012	Biến động (+,-)	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.658.548.217	46.099.504.796	3.559.043.421	7,72
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.622.841.319	56.668.048.180	(26.045.206.861)	(45,96)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.529.871.433	57.347.507.875	(17.817.636.442)	(31,07)

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự biến động:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý II/2013 tăng so với cùng kỳ năm trước là 3.559.043.421 VND, tương đương tăng 7,72%; nguyên nhân chủ yếu do sản lượng bán ra tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận kế toán trước thuế Quý II/2013 giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước là 17.817.636.442 VND, tương đương giảm 31,07% là do giá bán giảm so với cùng kỳ năm trước, chi phí hoạt động tài chính tăng khoản 36%, chi phí bán hàng tăng khoản 220% so với cùng kỳ năm trước.

Ninh Hòa, ngày 28 tháng 07 năm 2013



Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu



Vô Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc